

Thaiholdings

Số: 1408/2020/THD-CV
V/v: Giải trình chênh lệch lợi nhuận
Báo cáo tài chính bán niên năm 2020

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
-----o0o-----

Hà Nội, ngày 14 tháng 08 năm 2020

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Công ty: Công ty Cổ phần Thaiholdings

Mã chứng khoán: THD

Địa chỉ trụ sở chính: Số 210 Trần Quang Khải, Phường Tràng Tiền, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội.

Căn cứ Thông tư số: 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Căn cứ báo cáo tài bán niên năm 2020 và báo cáo tài bán niên năm 2019 đã soát xét,

Công ty Cổ phần Thaiholdings xin giải trình chênh lệch lợi nhuận sau thuế bán niên năm 2020 bằng 62,8% so với lợi nhuận sau thuế cùng kỳ năm 2019 như sau:

Do diễn biến phức tạp của dịch bệnh Covid-19 và chính sách cách ly xã hội trong nửa đầu năm 2020 nên mọi hoạt động của công ty bị ảnh hưởng nặng nề dẫn đến lợi nhuận sau thuế bán niên 2020 của Công ty giảm từ 20,99 tỷ còn 13,18 tỷ chỉ bằng 62,8% so với cùng kỳ năm 2019.

Trên đây là các giải trình của Công ty Cổ phần Thaiholdings về biến động lợi nhuận trên Báo cáo tài chính bán niên năm 2020 so với Báo cáo tài chính bán niên năm 2019 đã được soát xét của Công ty.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT, BKS, BGD;
- Lưu: PC, TCHC, CBTT.

TỔNG GIÁM ĐỐC ✓



Trần Đình Hưng

CÔNG TY CỔ PHẦN THAIHOLDINGS

Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

Kèm theo

**BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
CỦA KIỂM TOÁN VIÊN**

CÔNG TY CỔ PHẦN THAIHOLDINGS

Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

Kèm theo

**BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
CỦA KIỂM TOÁN VIÊN**



MỤC LỤC

	Trang
1. Báo cáo của Ban Tổng giám đốc	2 - 5
2. Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	6 - 7
3. Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét	
- Bảng cân đối kế toán giữa niên độ	8 - 9
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	10
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	11 - 12
- Bản thuyết minh báo cáo tài chính chọn lọc	13 - 41

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

Ban Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Thaiholdings (dưới đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2020 của Công ty đã được soát xét bởi các kiểm toán viên độc lập.

1. Thông tin chung

Công ty Cổ phần Thaiholdings được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0105202998 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 24 tháng 03 năm 2011 và được đăng ký thay đổi lần thứ 14 vào ngày 09 tháng 03 năm 2020.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0105202998 thay đổi lần thứ 14 cấp ngày 09 tháng 03 năm 2020 là 539.000.000.000 đồng (*Bằng chữ: Năm trăm ba mươi chín tỷ đồng chẵn./.*)

2. Hội đồng Quản trị, Ban Tổng giám đốc và Ban Kiểm soát

Thành viên Hội đồng Quản trị của Công ty trong kỳ kế toán và đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

<u>Ho và tên:</u>	<u>Chức vụ:</u>	<u>Ghi chú:</u>
- Ông Nguyễn Đức Thụy	Chủ tịch HĐQT	Miễn nhiệm kể từ ngày 29/02/2020 (i)
- Ông Nguyễn Chí Kiên	Chủ tịch HĐQT	Bổ nhiệm kể từ ngày 29/02/2020 (ii)
- Ông Vũ Đình Hưng	Thành viên	
- Bà Nguyễn Thị Phương	Thành viên	Miễn nhiệm kể từ ngày 29/02/2020 (i) Bổ nhiệm kể từ ngày 29/05/2020 (iii)
- Ông Vũ Ngọc Định	Thành viên	Miễn nhiệm kể từ ngày 29/02/2020 (i)
- Ông Nguyễn Văn Thuyết	Thành viên	Bổ nhiệm kể từ ngày 29/02/2020 (i)
- Ông Bùi Xuân Thức	Thành viên	Bổ nhiệm kể từ ngày 29/02/2020 (i) Miễn nhiệm kể từ ngày 29/05/2020 (iii)
- Ông Trương Anh Tú	Thành viên	Bổ nhiệm kể từ ngày 29/02/2020 (i)

(i) Theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2020 số 01/2020/NQ-ĐHĐCĐ/THD ngày 29/02/2020 của Đại hội đồng Cổ đông về việc bổ nhiệm, miễn nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị.

(ii) Theo Quyết định số 01/2020/QĐ-THD ngày 29/02/2020 của Hội đồng Quản trị về việc bầu Chủ tịch Hội đồng Quản trị.

(iii) Theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông bất thường lần 1 năm 2020 số 10/2020/NQ-ĐHĐCĐ/THD Ngày 29/05/2020 của Đại hội đồng Cổ đông về việc bổ nhiệm, miễn nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

Thành viên Ban Tổng giám đốc Công ty đã điều hành hoạt động của Công ty trong kỳ kế toán và đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

<u>Họ và tên:</u>	<u>Chức vụ:</u>	<u>Ghi chú:</u>
- Ông Vũ Ngọc Định	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm kể từ ngày 29/02/2020 (iv)
- Ông Vũ Đình Hưng	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm kể từ ngày 29/02/2020 (v)
- Ông Nguyễn Chí Kiên	Phó Tổng giám đốc	Miễn nhiệm kể từ ngày 29/02/2020 (vi)
- Ông Phan Mạnh Hùng	Phó Tổng giám đốc	Bổ nhiệm kể từ ngày 16/07/2020 (vii)
- Ông Bùi Khương Duy	Phó Tổng giám đốc	Bổ nhiệm kể từ ngày 16/07/2020 (viii)

- (iv) Theo Nghị quyết số 02/2020/QĐ-HĐQT/THD ngày 29/02/2020 của Hội đồng Quản trị về việc miễn nhiệm Phó Tổng giám đốc.
- (v) Theo Nghị quyết số 03/2020/QĐ-HĐQT/THD ngày 29/02/2020 của Hội đồng Quản trị về việc bổ nhiệm Phó Tổng giám đốc.
- (vi) Theo Nghị quyết số 06/2020/QĐ-HĐQT/THD ngày 29/02/2020 của Hội đồng Quản trị về việc miễn nhiệm Phó Tổng giám đốc.
- (vii) Theo Nghị quyết số 1607/2020/QĐ-HĐQT/THD ngày 16/07/2020 của Hội đồng Quản trị về việc bổ nhiệm Phó Tổng giám đốc.
- (viii) Theo Nghị quyết số 1607A/2020/QĐ-HĐQT/THD ngày 16/07/2020 của Hội đồng Quản trị về việc bổ nhiệm Phó Tổng giám đốc.

Thành viên Ban Kiểm soát Công ty trong suốt kỳ kế toán và đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

<u>Họ và tên:</u>	<u>Chức vụ:</u>
- Bà Nguyễn Thị Vụ	Trưởng ban
- Ông Phạm Quang Vinh	Thành viên
- Bà Dư Thị Hải Yến	Thành viên

3. Trụ sở

Công ty có trụ sở chính tại số 210, đường Trần Quang Khải, phường Tràng Tiền, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.

4. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh

Chi tiết tình hình tài chính vào ngày 30 tháng 06 năm 2020 và kết quả hoạt động kinh doanh cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm.

5. Các sự kiện quan trọng phát sinh trong niên độ

Trong kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 số 01/2020/NQ-ĐHĐCĐ/THD ngày 29/02/2020 của Công ty Cổ phần Thaiholdings đã thông qua việc miễn nhiệm và bầu mới Hội đồng Quản trị, Ban Tổng giám đốc, thông qua việc thành lập công ty con sở hữu 100% là Công ty TNHH MTV

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

Thaiholdings Hà Nam và thông qua phương án mua cổ phần của Công ty CP - Tập đoàn Thaingroup.

6. Các khoản bất thường và sự kiện phát sinh sau niên độ

Công ty Cổ phần Thaiholdings sở hữu 100% Công ty TNHH MTV Thaiholdings Hà Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh số số 0700840205 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Nam cấp lần đầu ngày 01/07/2020.

Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 0907/2020/NQ-HĐQT/THD ngày 09/07/2020 của Công ty Cổ phần Thaiholdings thông qua việc ký kết Hợp đồng hợp tác kinh doanh với Công ty Cổ phần Du lịch Kim Liên để cùng thực hiện Dự án tổ hợp công trình thương mại dịch vụ, khách sạn, văn phòng và căn hộ cho thuê tại địa điểm số 5-7 phố Đào Duy Anh, phường Kim Liên, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 0607/2020/NQ-HĐQT/THD ngày 06/07/2020 của Công ty Cổ phần Thaiholdings thông qua việc sửa đổi, bổ sung và triển khai thực hiện phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ như sau: Thay đổi số lượng cổ phiếu phát hành và phương án sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành.

Quyết định Hội đồng Quản trị số 1607/2020/QĐ-HĐQT và 1607A/2020/QĐ-HĐQT ngày 16/07/2020 của Công ty Cổ phần Thaiholdings thông qua việc bổ nhiệm Phó Tổng giám đốc.

7. Công ty kiểm toán

Công ty TNHH PKF Việt Nam được chỉ định là kiểm toán viên thực hiện soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2020 của Công ty.

8. Công bố trách nhiệm của Ban Tổng giám đốc

Ban Tổng giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ và đảm bảo Báo cáo tài chính giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính tại ngày 30 tháng 06 năm 2020 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày của Công ty. Để lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Tổng giám đốc Công ty được yêu cầu:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng giám đốc Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn phù hợp và áp dụng nhất quán các chính sách kế toán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các Chuẩn mực Kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính giữa niên độ hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ;
- Lập Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi giả thuyết Công ty sẽ tiếp tục hoạt động không còn phù hợp.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

Ban Tổng giám đốc Công ty cam kết rằng đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ và nhận thấy không có vấn đề bất thường xảy ra có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của doanh nghiệp.

Ban Tổng giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo sổ kế toán được ghi chép đầy đủ, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty và đảm bảo Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty được lập phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Ban Tổng giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho các tài sản và đã thực hiện các biện pháp phù hợp để ngăn ngừa và phát hiện sai sót và các trường hợp vi phạm khác.

Ban Tổng giám đốc xác nhận rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2020 của Công ty đã được lập theo đúng các yêu cầu nêu trên.

Ngoài ra, Ban Tổng giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC, ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

9. Ý kiến của Ban Tổng giám đốc

Theo ý kiến của Ban Tổng giám đốc Công ty, Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét (đính kèm) đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày và được lập phù hợp các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Hà Nội, ngày tháng năm 2020

THAY MẶT BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng Giám đốc



Vũ Đình Hưng

Số: 93/2020/BCSX-PKF.VPHN

Hà Nội, ngày 14 tháng 08 năm 2020

BÁO CÁO SOÁT XÉT

Về Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020 của Công ty Cổ phần Thaiholdings

Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Thaiholdings

Chúng tôi, Công ty TNHH PKF Việt Nam, đã soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020 của Công ty Cổ phần Thaiholdings được lập ngày 14 tháng 08 năm 2020, từ trang 08 đến trang 41, bao gồm: Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính chọn lọc cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020.

Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét này không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Tổng giám đốc

Ban Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Thaiholdings chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Thaiholdings tại ngày 30 tháng 06 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện cho Công ty TNHH PKF Việt Nam



Nguyễn Xuân Hòa
Phó Tổng giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0909-2018-242-1

40-
TY
HỮU
F
NAM
1-1-

029
GT
HÁ
.DIN
-TP

CÔNG TY CỔ PHẦN THAIHOLDINGS

Số 210, Đường Trần Quang Khải, phường Trảng Tiền, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2020

Mẫu số B01a-DN

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2020	01/01/2020
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		347.731.542.339	180.282.719.450
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	45.450.072.896	10.307.089.928
1. Tiền	111		45.450.072.896	307.089.928
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	10.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		3.515.000.000	-
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5.7	3.515.000.000	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		291.780.634.052	169.953.001.770
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	214.895.478.652	169.828.364.177
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.3	503.455.400	209.455.400
3. Các khoản phải thu khác	136	5.4	76.475.000.000	8.482.193
4. Dự phòng phải thu khó đòi	137	5.6	(93.300.000)	(93.300.000)
IV. Hàng tồn kho	140		3.553.200.000	-
1. Hàng tồn kho	141	5.5	3.553.200.000	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		3.432.635.391	22.627.752
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.8	3.432.635.391	22.627.752
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		907.853.568.777	670.217.784.395
I. Các khoản phải thu dài hạn	210	5.4	500.000.000	500.000.000
1. Phải thu dài hạn khác	216		500.000.000	500.000.000
II. Tài sản cố định	220		3.345.634.373	3.574.894.373
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.9	3.345.634.373	3.574.894.373
- Nguyên giá	222		4.790.699.282	4.790.699.282
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.445.064.909)	(1.215.804.909)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	5.7	637.524.187.453	637.524.187.453
1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		649.082.660.000	649.082.660.000
2. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	254		(11.558.472.547)	(11.558.472.547)
VI. Tài sản dài hạn khác	260		266.483.746.951	28.618.702.569
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.8	266.483.746.951	28.618.702.569
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.255.585.111.116	850.500.503.845

CÔNG TY CỔ PHẦN THAIHOLDINGS

Số 210, Đường Trần Quang Khải, phường Tràng Tiền, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2020

Mẫu số B01a-DN

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2020	01/01/2020
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		638.210.678.344	246.307.090.995
I. Nợ ngắn hạn	310		374.970.335.474	194.528.304.504
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.10	285.951.384.420	129.897.877.620
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.11	-	22.500.000.000
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.12	5.373.442.123	15.530.841.533
4. Phải trả người lao động	314		359.632.543	538.817.498
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.13	-	26.482.192
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	5.16	65.181.376.409	7.750.089.562
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.14	204.499.979	384.196.099
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.15	17.900.000.000	17.900.000.000
II. Nợ dài hạn	330		263.240.342.870	51.778.786.491
1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	5.16	211.189.598.507	-
2. Phải trả dài hạn khác	337	5.14	52.050.744.363	5.778.786.491
3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.15	-	46.000.000.000
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		617.374.432.772	604.193.412.850
I. Vốn chủ sở hữu	410	5.17	617.374.432.772	604.193.412.850
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		539.000.000.000	539.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		539.000.000.000	539.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Lợi nhuận chưa phân phối	421		78.374.432.772	65.193.412.850
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		65.193.412.850	17.647.033.345
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		13.181.019.922	47.546.379.505
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.255.585.111.116	850.500.503.845

Hà Nội, ngày 14 tháng 08 năm 2020

NGƯỜI LẬP

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC





Đỗ Thị Trang

Nguyễn Thị Thanh Hà

Vũ Đình Hưng

CÔNG TY CỔ PHẦN THAIHOLDINGS

Số 210, Đường Trần Quang Khải, phường Trảng Tiền, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2020

Mẫu số B02a-DN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	468.765.049.650	237.525.960.221
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	6.2	-	-
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		468.765.049.650	237.525.960.221
4. Giá vốn hàng bán	11	6.3	445.712.893.906	205.792.322.617
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		23.052.155.744	31.733.637.604
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.4	8.416.778	1.019.866
7. Chi phí tài chính	22	6.5	810.168.974	1.364.690.411
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		797.473.974	1.364.690.411
8. Chi phí bán hàng	25	6.8	398.645.078	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.7	4.548.175.078	3.690.977.444
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		17.303.583.392	26.678.989.615
11. Thu nhập khác	31		-	-
12. Chi phí khác	32	6.6	479.395.475	11.700
13. Lợi nhuận khác	40		(479.395.475)	(11.700)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		16.824.187.917	26.678.977.915
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.10	3.643.167.995	5.690.152.653
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		13.181.019.922	20.988.825.262
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.11	245	729
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	6.11	245	729

NGƯỜI LẬP

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Hà Nội, ngày 14 tháng 08 năm 2020

TỔNG GIÁM ĐỐC



Đỗ Thị Trang



Nguyễn Thị Thanh Hà



Vũ Đình Hưng

CÔNG TY CỔ PHẦN THAIHOLDINGS

Số 210, Đường Trần Quang Khải, phường Trảng Tiền, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

Mẫu số B03a-DN

Theo phương pháp gián tiếp

Kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2020

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		16.824.187.917	26.678.977.915
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định	02		229.260.000	229.260.000
- Lãi lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	(31.743)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(8.416.778)	(988.123)
- Chi phí lãi vay	06		797.473.974	1.364.690.411
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		17.842.505.113	28.271.908.460
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(121.827.632.282)	(63.471.008.339)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(3.553.200.000)	-
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		446.818.024.713	69.530.469.171
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(241.275.052.021)	(587.707.891)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(797.473.974)	(1.372.230.138)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(12.557.605.359)	(3.108.619.639)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		84.649.566.190	29.262.811.624
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		-	-
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(3.515.000.000)	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	(527.681.500.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	78.440.000.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		8.416.778	988.123
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(3.506.583.222)	(449.240.511.877)

CÔNG TY CỔ PHẦN THAIHOLDINGS

Số 210, Đường Trần Quang Khải, phường Trảng Tiền, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tiếp theo)

Mẫu số B03a-DN

Theo phương pháp gián tiếp

Kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2020

Đơn vị tính: VND

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	402.066.000.000
Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		33.900.000.000	35.000.000.000
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(79.900.000.000)	(26.700.000.000)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(46.000.000.000)	410.366.000.000
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		35.142.982.968	(9.611.700.253)
Tiền và tương đương tiền năm	60		10.307.089.928	10.686.199.710
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	31.743
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70		45.450.072.896	1.074.531.200

Hà Nội, ngày 14 tháng 08 năm 2020

NGƯỜI LẬP

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC





Đỗ Thị Trang

Nguyễn Thị Thanh Hà

Vũ Đình Hưng

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

Mẫu số B09a-DN

1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn:

Công ty Cổ phần Thaiholdings được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0105202998 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 24 tháng 03 năm 2011 và được đăng ký thay đổi lần thứ 14 vào ngày 09 tháng 03 năm 2020.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0105202998 thay đổi lần thứ 14 cấp ngày 09 tháng 03 năm 2020 là 539.000.000.000 đồng (*Bằng chữ: Năm trăm ba mươi chín tỷ đồng chẵn./.*)

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính:

Hoạt động chính của Công ty là xây dựng các công trình kỹ thuật, bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng.

Ngành nghề kinh doanh như sau:

- Vận tải hành khách đường bộ khác;
- Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;
- Điều hành tua du lịch;
- Cấu tạo dầm và hoàn thiện đá;
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét;
- Lắp đặt hệ thống điện;
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương;
- Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
- Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét;
- Phá dỡ;
- Hoàn thiện công trình xây dựng;
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan;
- Khai thác khí đốt tự nhiên;
- Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt);
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác;
- Vận tải hành khách ven biển và viễn dương;
- Vận tải hành khách đường thủy nội địa;
- Bán mô tô, xe máy;
- Sửa chữa máy móc, thiết bị;
- Đại lý ô tô và xe có động cơ khác;

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (tiếp theo)

Mẫu số B09a-DN

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

- Khai thác quặng sắt;
- Sản xuất các cấu kiện kim loại;
- Sản xuất các thiết bị nâng, hạ và bốc xếp;
- Đóng tài và cấu kiện nổi;
- Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác dầu thô và khí tự nhiên;
- Khai thác, xử lý và cung cấp nước;
- Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao;
- Quảng cáo;
- Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận;
- Bốc xếp hàng hóa;
- Chuẩn bị mặt bằng;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động;
- Khai thác dầu thô;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;

Chi tiết: Kinh doanh bất động sản.

- Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất;

Chi tiết: tư vấn, môi giới, quản lý bất động sản.

- Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan;

Chi tiết:

Hoạt động kiến trúc;

Hoạt động đo đạc bản đồ;

Hoạt động thăm dò địa chất, nguồn nước;

Hoạt động tư vấn kỹ thuật có liên quan khác.

- Kiểm tra và phân tích kỹ thuật;
- Dịch vụ ăn uống khác;
- Dịch vụ phục vụ đồ uống;
- Cho thuê xe có động cơ;
- Cho thuê thiết bị thể thao, vui chơi giải trí;
- Đại lý du lịch;
- Hoạt động sáng tác, nghệ thuật và giải trí;
- Hoạt động của các vườn bách thảo, bách thú và khu bảo tồn tự nhiên;
- Hoạt động của các cơ sở thể thao;
- Hoạt động của các công viên vui chơi và công viên theo chủ đề;
- Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu;

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (tiếp theo)

Mẫu số B09a-DN

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

- Bán buôn thực phẩm;

Chi tiết: Bán buôn thịt và các sản phẩm từ thịt, gồm: Bán buôn thịt gia súc, gia cầm tươi, đông lạnh, sơ chế; Bán buôn các sản phẩm từ thịt gia súc, gia cầm, nội tạng thịt từ gia súc, gia cầm, trừ bán buôn gia súc, gia cầm sống.

- Dịch vụ tắm hơi massage và các dịch vụ tăng cường sức khỏe tương tự (trừ hoạt động thể thao);

Chi tiết: Kinh doanh xoa bóp (mát xa, tắm quất).

- Bán buôn kim loại và quặng kim loại;

Chi tiết: Bán buôn sắt, thép.

- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu;

Chi tiết: Bán buôn thạch cao.

- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy;

- Xây dựng công trình thủy;

- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu;

Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh.

- Xây dựng công trình khai khoáng;

- Xây dựng công trình chế biến, chế tạo;

- Hoạt động tư vấn quản lý;

(Đối với các ngành kinh doanh có điều kiện, Doanh nghiệp chỉ kinh doanh khi có điều kiện theo quy định của pháp luật).

- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;

Chi tiết: Giao thông, thủy lợi, công nghiệp, nạo vét các tuyến sông và công trình thủy lợi, khoan phụt, gia cố đê điều.

- Xây dựng công trình đường sắt;

- Xây dựng công trình đường bộ;

- Xây dựng nhà để ở;

- Xây dựng nhà không để ở;

- Sản xuất điện;

- Truyền tải và phân phối điện;

- Xây dựng công trình điện;

- Xây dựng công trình cấp, thoát nước;

- Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc;

- Xây dựng công trình công ích khác;

- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hòa không khí;

- Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ bê tông, xi măng và thạch cao;

- Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng;

- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai khoáng khác;

Chi tiết: Hoạt động cung cấp dịch vụ thăm dò theo phương pháp truyền thống và lấy mẫu quặng, thực hiện các quan sát dịch chất tại khu vực có tiền năng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (tiếp theo)
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

Mẫu số B09a-DN

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường:

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc doanh nghiệp:

Công ty có trụ sở chính tại số 210, Đường Trần Quang Khải, phường Tràng Tiền, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.

Công ty có số lượng công nhân viên bình quân trong kỳ là: 35 người.

2 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 75/2015/TT-BTC ngày 18/05/2015, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 hướng dẫn Chế độ Kế toán Doanh nghiệp.

3 NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VND).

4 TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN QUAN TRỌNG

4.1. Ước tính kế toán

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020 của Công ty tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, yêu cầu Ban Tổng giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc kỳ kế toán cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4.2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi ngân hàng.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo. Các khoản tương đương tiền của Công ty là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn không quá 3 tháng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (tiếp theo)

Mẫu số B09a-DN

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

4.3. Các giao dịch ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng đồng tiền khác ngoài đồng Việt Nam (VND) được chuyển đổi thành đồng Việt Nam theo tỷ giá tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Các khoản chênh lệch tỷ giá đã thực hiện phát sinh trong kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí hoặc doanh thu hoạt động tài chính trong kỳ.

Số dư các tài sản bằng tiền, tương đương tiền và công nợ có gốc ngoại tệ vào ngày kết thúc kỳ kế toán được quy đổi sang đồng Việt Nam theo tỷ giá mua vào của ngân hàng có tài khoản giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí hoặc doanh thu hoạt động tài chính trong kỳ kế toán.

4.4. Nợ phải thu

Các khoản phải thu trình bày trong Báo cáo tài chính giữa niên độ theo giá trị ghi sổ phải thu từ khách hàng của Công ty và các khoản phải thu khác cộng với dự phòng nợ phải thu khó đòi. Tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Khoản phải thu có thời gian thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản ngắn hạn;
- Khoản phải thu có thời gian thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm (hoặc nhiều hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản dài hạn.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu vào ngày kết thúc kỳ tài chính.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên hoặc các khoản phải thu mà khách nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập theo quy định tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08/08/2019 của Bộ Tài chính về hướng dẫn việc trích lập và xử lý các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, công trình xây dựng tại doanh nghiệp.

4.5. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận là giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho được xác định bằng giá bán ước tính trừ đi các chi phí ước tính để tiêu thụ được hàng tồn kho.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định theo như sau:

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp đích danh.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (tiếp theo)
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020**Mẫu số B09a-DN**

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho các vật tư, hàng hóa tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 02 “Hàng tồn kho” và Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08/08/2019 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp và Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp.

4.6. Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế.

Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử. Các chi phí nâng cấp tài sản cố định hữu hình được vốn hóa, ghi tăng nguyên giá tài sản cố định; các chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản cố định hữu hình đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao TSCĐ hữu hình được tính theo phương pháp đường thẳng, áp dụng cho tất cả các tài sản theo tỷ lệ được tính toán để phân bổ nguyên giá trong suốt thời gian ước tính sử dụng và phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC.

Thời gian trích khấu hao tài sản cố định hữu hình của công ty như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	20 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	10 năm
- Dụng cụ quản lý	03 - 05 năm

4.7. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính được kế toán theo phương pháp giá gốc. Công ty chỉ hạch toán vào thu nhập trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc khoản đầu tư.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn của Công ty bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

Các khoản đầu tư dài hạn khác bao gồm các khoản đầu tư cổ phiếu, góp vốn vào các đơn vị khác với tỷ lệ nhỏ hơn 20% vốn điều lệ của công ty nhận đầu tư, các khoản cho vay và đầu tư dài hạn khác. Các khoản đầu tư này được phản ánh theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối kỳ tài chính là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng. Việc trích lập và hoàn nhập các khoản dự phòng giảm giá đầu tư được thực hiện theo Thông tư số 48/2019/TT-BTC ban hành ngày 08/08/2019 và theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính.

4.8. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm công cụ dụng cụ, giá trị của các tài sản không có đủ tiêu chuẩn là TSCĐ (có giá trị nhỏ hơn 30 triệu đồng) và các chi phí trả trước khác. Chi phí trả trước sẽ được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh trong thời gian hợp lý kể từ khi phát sinh.

4.9. Nợ phải trả

Các khoản phải trả trình bày trong Báo cáo tài chính giữa niên độ theo giá trị ghi sổ phải trả từ khách hàng của Công ty và các khoản phải trả khác và được chi tiết cho từng đối tượng phải trả. Tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Khoản phải trả có thời hạn thanh toán dưới 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là ngắn hạn;
- Khoản phải trả có thời hạn thanh toán trên 1 năm (hoặc nhiều hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là dài hạn.

4.10. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả bao gồm giá trị các khoản chi phí đã được tính vào chi phí hoạt động kinh doanh trong kỳ kế toán, nhưng chưa được thực chi vào thời điểm kết thúc kỳ kế toán do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ tài liệu kế toán, bao gồm: chi phí kiểm toán, chi phí thi công. Khi các chi phí đó phát sinh thực tế, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (tiếp theo)

Mẫu số B09a-DN

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

4.11. Vốn chủ sở hữu

Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của chủ sở hữu:

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

4.12. Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch này.

- (i) Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua và hàng hóa đã được giao cho người mua và được chấp nhận của khách hàng.
- (ii) Doanh thu hợp đồng xây dựng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ, khi Công ty đảm bảo thu được lợi ích từ hợp đồng xây dựng và chi phí để hoàn thành phần công việc đã hoàn thành tại thời điểm lập Báo cáo tài chính được tính toán một cách đáng tin cậy.
- (iii) Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích đã được chuyển giao cho khách hàng, dịch vụ đã được cung cấp và được khách hàng chấp nhận.
- (iv) Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm doanh thu phát sinh từ lãi tiền gửi, lãi tiền cho vay, lãi chênh lệch tỷ giá, và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác. Lãi tiền gửi, lãi tiền vay được xác định trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

4.13. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán phản ánh giá trị vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ bán ra trong kỳ, đảm bảo nguyên tắc phù hợp với doanh thu ghi nhận trong kỳ.

4.14. Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các khoản chi phí quản lý chung của Công ty, gồm các chi phí về tiền lương của bộ phận quản lý doanh nghiệp, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp, chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao tài sản cố định dùng cho quản lý doanh nghiệp, tiền thuê đất, thuế môn bài, khoản dự phòng phải thu khó đòi, dịch vụ mua ngoài và chi phí bằng tiền khác

4.15. Chi phí bán hàng

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hóa (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển...

4.16. Thuế

Thuế Giá trị gia tăng (GTGT):

- Thuế suất thuế GTGT đối với hàng hóa, dịch vụ: 10%

Thuế Thu nhập Doanh nghiệp (TNDN):

Công ty phải nộp thuế TNDN với mức thuế suất là 20%

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất áp dụng trong kỳ kế toán. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa kế toán thuế và kế toán tài chính cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập hay chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Các loại thuế khác Công ty áp dụng theo quy định của Luật thuế hiện hành.

4.17. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông với số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

4.18. Bù trừ các công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản đầu tư tài chính và các công cụ tài chính phái sinh.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuê tài chính, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

4.19. Báo cáo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định phân biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Công ty.

Lĩnh vực kinh doanh

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau: kinh doanh vật liệu xây dựng, thực phẩm và dịch vụ cho thuê văn phòng.

Khu vực địa lý

Hoạt động của Công ty được phân bố chủ yếu ở thành phố Hà Nội, tỉnh Ninh Bình, tỉnh Hà Nam.

4.20. Các bên liên quan

Việc trình bày mối quan hệ với các bên liên quan và các giao dịch giữa doanh nghiệp với các bên liên quan được thực hiện theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 26 “Thông tin về các bên liên quan” được ban hành và công bố theo Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2003 của Bộ Tài chính và Thông tư số 161/2007/TT-BTC “Hướng dẫn thực hiện mười sáu (16) Chuẩn mực Kế toán ban hành theo Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31/12/2001, Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31/12/2002 và Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30/12/2003 của Bộ trưởng Bộ Tài chính” ban hành ngày 31/12/2007. Cụ thể:

Các bên liên quan được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các trường hợp được coi là bên liên quan: Các doanh nghiệp - kể cả công ty mẹ, công ty con, công ty liên kết - các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như Tổng Giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được gọi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên liên quan trong kỳ được trình bày ở Thuyết minh Báo cáo tài chính chọn lọc số 8.6.

CÔNG TY CỔ PHẦN THAIHOLDINGS

Số 210, Đường Trần Quang Khải, phường Tràng Tiền, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (tiếp theo)

Mẫu số B09a - DN

Kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2020

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	30/06/2020 (VND)	01/01/2020 (VND)
Tiền mặt	4.783.684.170	114.051.403
Tiền gửi ngân hàng	40.666.388.726	193.038.525
Các khoản tương đương tiền (*)	-	10.000.000.000
Cộng	45.450.072.896	10.307.089.928

(*) Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn số 0112/271219/HDTG/SHB.110600 ngày 27/12/2019 ký với Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội, số tiền 10.000.000.000 VND (Mười tỷ đồng), lãi suất 5%/năm, kỳ hạn 1 tháng, lãi nhập gốc và tự động gia hạn, tiền lãi trả vào cuối kỳ hạn.

5.2 Phải thu khách hàng

	30/06/2020 (VND)	01/01/2020 (VND)
a) Phải thu khách hàng ngắn hạn	214.895.478.652	169.828.364.177
Phải thu khách hàng trong nước (chi tiết chiếm từ 10% trở lên trên tổng khoản phải thu)	191.847.695.592	167.479.629.814
<i>Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Vinakanto</i>	21.983.322.700	3.153.696.211
<i>Công ty TNHH XNK Dịch vụ Thương mại Hà Mộc</i>	33.220.904.900	
<i>Công ty TNHH XNK Thương mại Tú Cường</i>	71.776.364.600	
<i>Công ty TNHH XNK Đầu tư Hoa Việt</i>	64.606.975.000	
<i>Công ty TNHH Đầu tư Thương mại Sunrise</i>	260.128.392	164.325.933.603
Phải thu khách hàng khác	23.047.783.060	2.348.734.363
Cộng	214.895.478.652	169.828.364.177

b) Phải thu khách hàng dài hạn**c) Phải thu của khách hàng ngắn hạn là các bên liên quan**

Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng và Phát triển Xuân Thành	-	1.101.415.630
Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Xuân Thành	826.062.052	838.169.336
Cộng	826.062.052	1.939.584.966

5.3 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	30/06/2020 (VND)	01/01/2020 (VND)
Công ty Cổ phần Tư vấn Công nghệ Thiết bị và Kiểm định Xây dựng Coninco	69.300.000	69.300.000
Công ty TNHH Truyền thông và Sự kiện Udika	203.000.000	-
Các công ty khác	231.155.400	140.155.400
Cộng	503.455.400	209.455.400

CÔNG TY CỔ PHẦN THAIHOLDINGS

Số 210, Đường Trần Quang Khải, phường Tràng Tiền, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (tiếp theo)

Mẫu số B09a - DN

Kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2020

5.4 Phải thu khác

	30/06/2020 (VND)		01/01/2020 (VND)	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a) Ngắn hạn	76.475.000.000	-	8.482.193	-
- Tạm ứng	7.475.000.000	-	-	-
+ Ông Phạm Công Chiến (i)	7.475.000.000	-	-	-
- Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược (ii)	69.000.000.000	-	-	-
- Phải trả, phải nộp khác (dư Nợ)	-	-	8.482.193	-
b) Dài hạn	500.000.000	-	500.000.000	-
- Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược (iii)	500.000.000	-	500.000.000	-
Cộng	76.975.000.000	-	508.482.193	-
c) Phải thu khác là bên liên quan				
- Công ty Cổ phần Tôn Đản Hà Nội	500.000.000	-	500.000.000	-

(i) Ngày 08/07/2020 Ông Phạm Công Chiến đã hoàn ứng toàn bộ số tiền trên bằng tiền gửi ngân hàng.

(ii) Hợp đồng đặt cọc chuyển nhượng cổ phần số 01/2020/HĐCN ngày 22/06/2020 giữa Công ty Cổ phần Thaiholdings và Ông Nguyễn Văn Hà về việc mua cổ phần của Công ty CP - Tập đoàn Thaingroup, số tiền đặt cọc theo hợp đồng này là: 15.000.000.000 VND.

(ii) Hợp đồng đặt cọc chuyển nhượng cổ phần số 02/2020/HĐCN ngày 22/06/2020 giữa Công ty Cổ phần Thaiholdings và Bà Trịnh Thị Hoài Phương về việc mua cổ phần của Công ty CP - Tập đoàn Thaingroup, số tiền đặt cọc theo hợp đồng này là: 14.000.000.000 VND.

(ii) Hợp đồng đặt cọc chuyển nhượng cổ phần số 03/2020/HĐCN ngày 23/06/2020 giữa Công ty Cổ phần Thaiholdings và Ông Nguyễn Văn Tân về việc mua cổ phần của Công ty CP - Tập đoàn Thaingroup, số tiền đặt cọc theo hợp đồng này là: 20.000.000.000 VND.

(ii) Hợp đồng đặt cọc chuyển nhượng cổ phần số 04/2020/HĐCN ngày 23/06/2020 giữa Công ty Cổ phần Thaiholdings và Ông Trịnh Văn Thiệm về việc mua cổ phần của Công ty CP - Tập đoàn Thaingroup, số tiền đặt cọc theo hợp đồng này là: 20.000.000.000 VND.

(iii) Khoản đặt cọc thuê văn phòng tại số 17 đường Tông Đản và 210 Đường Trần Quang Khải, Phường Tràng Tiền, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội theo Hợp đồng nguyên tắc cho thuê văn phòng số 1903/2019/HĐCTVP/TD-THS giữa Công ty Cổ phần Tôn Đản Hà Nội và Công ty Cổ phần Thaiholdings.

5.5 Hàng tồn kho

	30/06/2020 (VND)		01/01/2020 (VND)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng hóa	3.553.200.000	-	-	-
Cộng	3.553.200.000	-	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN THAIHOLDINGS

Số 210, Đường Trần Quang Khải, phường Tràng Tiền, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (tiếp theo)

Mẫu số B09a - DN

Kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2020

5.6 . NỢ XẤU

Đơn vị : VND

	30/06/2020			01/01/2020		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng
Các khoản phải thu ngắn hạn						
- Công ty Cổ phần Thiết kế Kỹ thuật và Xây lắp Thịnh Phát	24.000.000	-	(24.000.000)	24.000.000	-	(24.000.000)
- Công ty Cổ phần Tư vấn Công nghệ Thiết bị và Kiểm định Xây dựng Coninco	69.300.000	-	(69.300.000)	69.300.000	-	(69.300.000)
Cộng	93.300.000	-	(93.300.000)	93.300.000	-	(93.300.000)

CÔNG TY CỔ PHẦN THAIHOLDINGS

Số 210, Đường Trần Quang Khải, phường Trảng Tiền, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (tiếp theo)

Mẫu số B09a - DN

Kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2020

5.7 Các khoản đầu tư tài chính

	30/06/2020 (VND)			01/01/2020 (VND)		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý (*)	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý (*)	Dự phòng
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	3.515.000.000	3.515.000.000	-	-	-	-
- Tiền gửi tiết kiệm ngắn hạn	3.515.000.000	3.515.000.000	-	-	-	-
+ Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội (i)	3.515.000.000	3.515.000.000	-	-	-	-
- Tiền gửi tiết kiệm dài hạn	-	-	-	-	-	-
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	649.082.660.000	(*)	(11.558.472.547)	649.082.660.000	(*)	(11.558.472.547)
- Công ty Cổ phần Du lịch Kim Liên - tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết 17,2%	365.082.660.000	(*)	-	365.082.660.000	(*)	-
- Công ty Cổ phần Tôn Đản Hà Nội - tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết 19,52%	284.000.000.000	(*)	(11.558.472.547)	284.000.000.000	(*)	(11.558.472.547)
Cộng	652.597.660.000	(*)	(11.558.472.547)	649.082.660.000	(*)	(11.558.472.547)

(i) Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn số 0043/070520/HDTG/SHB.110600 ngày 07/05/2020 ký với Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội, số tiền 3.515.000.000 VND (Bằng chữ: Ba tỷ năm trăm mười lăm triệu đồng chẵn) lãi suất 6,4%/năm, kỳ hạn 12 tháng, tiền lãi trả vào cuối kỳ hạn, không gia hạn hợp đồng.

Tóm tắt tình hình hoạt động của các khoản đầu tư trong kỳ:

- Công ty Cổ phần Du lịch Kim Liên hoạt động trong lĩnh vực nhà hàng, khách sạn,...

Theo báo cáo tài chính đã được kiểm toán, kết quả kinh doanh của Công ty Cổ phần Du lịch Kim Liên năm 2019 có lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp là: 12.528.159.177 VND, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối tại ngày 31/12/2019 là: 3.833.058.048 VND.

- Công ty Cổ phần Tôn Đản Hà Nội hoạt động trong lĩnh vực bất động sản

Theo báo cáo tài chính đã được kiểm toán, kết quả kinh doanh của Công ty Cổ phần Tôn Đản Hà Nội năm 2019 có lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp là: (58.743.500.083) VND, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối tại ngày 31/12/2019 là: 59.213.486.411 VND.

(*) Xem Thuyết minh Báo cáo tài chính số 8.6.iv - Giá trị hợp lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN THAIHOLDINGS

Số 210, Đường Trần Quang Khải, phường Tràng Tiền, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (tiếp theo)

Mẫu số B09a - DN

Kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2020

5.8 Chi phí trả trước

	30/06/2020 (VND)	01/01/2020 (VND)
a) Ngắn hạn	3.432.635.391	22.627.752
Chi phí công cụ, dụng cụ	58.902.125	22.627.752
Chi phí thuê văn phòng tại 17 Tông Đản (i)	3.373.733.266	-
b) Dài hạn	266.483.746.951	28.618.702.569
Chi phí thuê văn phòng tại 17 Tông Đản (i)	245.578.125.840	6.954.495.232
Chi phí thuê lô đất tại 2B Lê Phụng Hiểu (ii)	20.803.919.893	21.575.841.500
Chi phí công cụ, dụng cụ	101.701.218	88.365.837
Cộng	269.916.382.342	28.641.330.321

Chi tiết:

(i) Tổng số tiền thuê tại tầng 1, 2, 3, 4, 5, 6, 16, 17, 19 và 21 tòa nhà số 17 đường Tôn Đản, phường Tràng Tiền, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội theo Hợp đồng nguyên tắc số 1903/2019/HĐCTVP/Đ-THS ngày 19/03/2019 và các phụ lục kèm theo, giá thuê phụ thuộc vào giá Công ty cho thuê lại được quy định trong từng phụ lục ở từng thời kỳ. Hợp đồng có hiệu lực 15 năm kể từ ngày ký, trừ khi bị chấm dứt theo quy định của pháp luật.

(ii) Tổng số tiền thuê tại lô đất ở địa chỉ 2B, Lê Phụng Hiểu, phường Tràng Tiền, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội theo hợp đồng hợp tác đầu tư giữa Công ty và Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ, tổng giá thuê là 29.700.000.000 VND; Hợp đồng có hiệu lực vô thời hạn kể từ ngày 12/09/2014, trừ khi bị chấm dứt theo các quy định của pháp luật.

5.9 Tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
I. Nguyên giá				
Số dư đầu năm	272.727.273	4.448.881.100	69.090.909	4.790.699.282
Tăng trong kỳ				
Giảm trong kỳ				
Số dư cuối kỳ	272.727.273	4.448.881.100	69.090.909	4.790.699.282
II. Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm	71.568.000	1.075.146.000	69.090.909	1.215.804.909
Tăng trong kỳ	6.816.000	222.444.000		229.260.000
- Số khấu hao trong kỳ	6.816.000	222.444.000		229.260.000
Giảm trong kỳ				
Số dư cuối kỳ	78.384.000	1.297.590.000	69.090.909	1.445.064.909
III. Giá trị còn lại				
1. Tại ngày đầu năm	201.159.273	3.373.735.100	-	3.574.894.373
2. Tại ngày cuối kỳ	194.343.273	3.151.291.100	-	3.345.634.373

- Giá trị còn lại của TSCĐ thể chấp, cầm cố tại ngày 30/06/2020: 3.151.291.100 VND.

- Nguyên giá của TSCĐ đã khấu hao hết, đang sử dụng tại ngày 30/06/2020: 69.090.909 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN THAIHOLDINGS

Số 210, Đường Trần Quang Khải, phường Tràng Tiền, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (tiếp theo)

Mẫu số B09a - DN

Kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2020

5.10 Phải trả người bán

	30/06/2020 (VND)		01/01/2020 (VND)	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Các khoản phải trả người bán ngắn hạn	285.951.384.420	285.951.384.420	129.897.877.620	129.897.877.620
Các khoản phải trả người bán chiếm từ 10% trở lên	264.972.936.139	264.972.936.139	129.357.245.399	129.357.245.399
- Công ty Cổ phần Tôn Đản Hà Nội	111.296.883.139	111.296.883.139	2.817.904.005	2.817.904.005
- Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Phát triển Thương mại An Bình	73.545.304.800	73.545.304.800	-	-
- Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Đầu tư An Bình	72.867.758.200	72.867.758.200	-	-
- Công ty TNHH Đầu tư Thương mại Xuân Thành	6.218.611.000	6.218.611.000	6.218.611.000	6.218.611.000
- Piet Boon Studio	1.044.379.000	1.044.379.000	1.044.379.000	1.044.379.000
- Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Sản xuất Vũng Áng	-	-	119.276.351.394	119.276.351.394
Các khoản phải trả người bán khác	20.978.448.281	20.978.448.281	540.632.221	540.632.221
Cộng	285.951.384.420	285.951.384.420	129.897.877.620	129.897.877.620

c) Phải trả người bán là các bên liên quan

- Công ty TNHH Đầu tư Thương mại Xuân Thành	6.218.611.000	6.218.611.000	6.218.611.000	6.218.611.000
- Công ty Cổ phần Tôn Đản Hà Nội	111.296.883.139	111.296.883.139	2.817.904.005	2.817.904.005
Cộng	117.515.494.139	117.515.494.139	9.036.515.005	9.036.515.005

5.11 Người mua trả tiền trước

	30/06/2020 (VND)	01/01/2020 (VND)
a) Người mua trả tiền trước ngắn hạn	-	22.500.000.000
Ông Nguyễn Đức Thụy	-	22.500.000.000
b) Người mua trả tiền trước dài hạn	-	-
Cộng	-	22.500.000.000
c) Người mua trả tiền trước là bên liên quan	-	-
Ông Nguyễn Đức Thụy	-	22.500.000.000
Cộng	-	22.500.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN THAIHOLDINGS

Số 210, Đường Trần Quang Khải, phường Tràng Tiền, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (tiếp theo)

Mẫu số B09a - DN

Kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2020

5.12 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

a) Phải nộp	01/01/2020	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp/bù trừ trong kỳ	30/06/2020
- Thuế GTGT	2.870.653.595	38.730.493.781	39.940.999.878	1.660.147.498
- Thuế TNDN	12.557.605.359	3.643.167.995	12.557.605.359	3.643.167.995
- Thuế TNCN	37.086.561	78.893.548	111.349.497	4.630.612
- Các loại thuế khác	65.496.018	3.000.000	3.000.000	65.496.018
Cộng	15.530.841.533	42.455.555.324	52.612.954.734	5.373.442.123

b) Phải thu

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

5.13 Chi phí phải trả

	30/06/2020 (VND)	01/01/2020 (VND)
a) Ngắn hạn	-	26.482.192
- Lãi vay phải trả	-	26.482.192
b) Dài hạn	-	-
Cộng	-	26.482.192

5.14 Các khoản phải trả khác

	30/06/2020 (VND)	01/01/2020 (VND)
a) Ngắn hạn	204.499.979	384.196.099
- Kinh phí công đoàn	49.511.820	38.422.020
- Bảo hiểm xã hội	41.116.350	73.617.630
- Bảo hiểm y tế	7.732.709	13.468.229
- Bảo hiểm thất nghiệp	6.139.100	8.688.220
- Phải trả, phải nộp khác	100.000.000	-
- Nhận ký quỹ, ký cược	-	250.000.000
b) Dài hạn	52.050.744.363	5.778.786.491
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	52.050.744.363	5.778.786.491
- Ngân hàng TMCP Quân Đội	1.412.658.228	1.412.658.228
- Ông Nguyễn Trọng Đại	1.374.735.780	1.374.735.780
- Hanwha Energy Corporation Singapore	922.539.150	922.539.150
- Công ty TNHH Đầu tư Central Capital	851.192.185	851.192.185
- Công ty TNHH Tân Phát New Development	528.122.876	528.122.876
- Công ty Cổ phần Giải trí Tràng An	500.000.000	500.000.000
- Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Hoàng Minh	189.538.272	189.538.272
- Công ty Cổ phần Enclave Phú Quốc	45.000.000.000	-
- Công ty IMC Việt Nam	100.000.000	-
- Công ty TNHH Wirecard (Việt Nam)	474.714.240	-
- Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Trí tuệ Việt Nam	513.397.632	-
- Công ty TNHH Nuplex Resins (Việt Nam)	153.846.000	-
Cộng	52.255.244.342	6.162.982.590

CÔNG TY CỔ PHẦN THAIHOLDINGS**Số 210, Đường Trần Quang Khải, phường Tràng Tiền, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội****BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (tiếp theo)****Mẫu số B09a - DN**

Kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2020

5.15 Vay và nợ thuê tài chính

Đơn vị tính: VND

	30/06/2020				01/01/2020	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Vay ngắn hạn	17.900.000.000	17.900.000.000	33.900.000.000	33.900.000.000	17.900.000.000	17.900.000.000
Vay cá nhân	-	-	16.000.000.000	16.000.000.000	-	-
- Ông Đinh Xuân Tuấn	-	-	1.700.000.000	1.700.000.000	-	-
- Ông Nguyễn Đức Thụy	-	-	14.300.000.000	14.300.000.000	-	-
Vay ngân hàng VND	17.900.000.000	17.900.000.000	17.900.000.000	17.900.000.000	17.900.000.000	17.900.000.000
- Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - CN Trung Yên (i)	17.900.000.000	17.900.000.000	17.900.000.000	17.900.000.000	17.900.000.000	17.900.000.000
b) Vay dài hạn	-	-	-	46.000.000.000	46.000.000.000	46.000.000.000
- Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Sản xuất Vũng Áng	-	-	-	46.000.000.000	46.000.000.000	46.000.000.000
Cộng	17.900.000.000	17.900.000.000	33.900.000.000	79.900.000.000	63.900.000.000	63.900.000.000

Chi tiết các khoản vay như sau:

(i) Hợp đồng tín dụng số 1302-LAV-202000289 ngày 14/05/2020 ký với Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Trung Yên, hạn mức tín dụng 17.900.000.000 VND, thời hạn cấp tín dụng: 04 tháng kể từ ngày ký kết Hợp đồng tín dụng, thời gian vay được cụ thể trong các Giấy nhận nợ nhưng tối đa là 06 tháng, lãi suất cho vay trong hạn là 9%/năm và được điều chỉnh 03 tháng/lần. Mục đích sử dụng vốn vay: Thanh toán tiền mua hàng hóa theo Hợp đồng mua bán số 1803/HĐMB/VTC-THD/2020 ngày 18/03/2020 giữa Công ty Cổ phần Thaiholdings và Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Việt Toàn Cầu và Hợp đồng mua bán số 2103/HĐMB/TDP-THD/2020 ngày 21/03/2020 giữa Công ty Cổ phần Thaiholdings và Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Thực phẩm Tân Đại Phát. Khoản vay được đảm bảo bằng biện pháp bảo đảm cụ thể như sau: Tài sản của Công ty là xe ô tô nhãn hiệu LEXUS LX 570 mang biển đăng ký 30E-736.85 giá trị 6.080.000.000 VND; Tài sản của bên thứ 3 là giá trị quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất Số: CB 832278 giá trị 18.000.000.000 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN THAIHOLDINGS

Số 210, Đường Trần Quang Khải, phường Trảng Tiền, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (tiếp theo)

Mẫu số B09a - DN

Kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2020

5.16 Doanh thu chưa thực hiện

	30/06/2020 (VND)	01/01/2020 (VND)
a) Ngắn hạn	65.181.376.409	7.750.089.562
- Doanh thu nhận trước từ hoạt động cho thuê văn phòng	65.181.376.409	7.750.089.562
b) Dài hạn	211.189.598.507	-
- Doanh thu nhận trước từ hoạt động cho thuê văn phòng	211.189.598.507	-
Cộng	276.370.974.916	7.750.089.562

5.17 Vốn chủ sở hữu

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Vốn khác của chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư đầu năm trước	136.934.000.000		17.647.033.345	154.581.033.345
Tăng vốn trong năm trước	402.066.000.000			402.066.000.000
Lãi trong năm trước			47.546.379.505	47.546.379.505
Số dư đầu năm nay	539.000.000.000	-	65.193.412.850	604.193.412.850
Lãi trong kỳ			13.181.019.922	13.181.019.922
Số dư cuối kỳ	539.000.000.000	-	78.374.432.772	617.374.432.772

b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Tỷ lệ vốn góp tại ngày 30/06/2020	30/06/2020 (VND)	01/01/2020 (VND)
Ông Nguyễn Đức Thụy	20,00%	107.800.000.000	107.800.000.000
Ông Trịnh Văn Hải	4,50%	24.255.000.000	24.255.000.000
Bà Lê Thúy An	4,05%	21.856.000.000	21.856.000.000
Ông Trịnh Văn Quỳnh	4,00%	21.560.000.000	21.560.000.000
Ông Nguyễn Văn Tân	4,00%	21.560.000.000	21.560.000.000
Ông Nguyễn Cao Cường	3,90%	21.021.000.000	21.021.000.000
Các cổ đông khác	59,55%	320.948.000.000	320.948.000.000
Cộng	100%	539.000.000.000	539.000.000.000

Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020 (VND)	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 (VND)
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	539.000.000.000	136.934.000.000
- Vốn góp tăng trong kỳ	-	402.066.000.000
- Vốn góp giảm trong kỳ		
- Vốn góp cuối kỳ	539.000.000.000	539.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-
Cổ phiếu	30/06/2020 (VND)	01/01/2020 (VND)
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	53.900.000	53.900.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	53.900.000	53.900.000
- Cổ phiếu phổ thông	53.900.000	53.900.000
- Cổ phiếu ưu đãi		

CÔNG TY CỔ PHẦN THAIHOLDINGS

Số 210, Đường Trần Quang Khải, phường Tràng Tiền, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (tiếp theo)

Mẫu số B09a - DN

Kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2020

Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	53.900.000	53.900.000
- Cổ phiếu phổ thông	53.900.000	53.900.000
- Cổ phiếu ưu đãi		
* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phần		

5.18 Các khoản mục ngoài Báo cáo tài chính giữa niên độ

	30/06/2020	01/01/2020
	(VND)	(VND)
Ngoại tệ các loại		
+ USD	68,23	68,23
+ EURO	2,47	2,47

5.19 Các thông tin khác do doanh nghiệp tự giải trình, thuyết minh**6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ****6.1 Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019
	(VND)	(VND)
- Doanh thu bán vật liệu xây dựng	105.056.535.322	234.765.721.300
- Doanh thu bán thực phẩm	351.071.983.280	-
- Doanh thu cho thuê văn phòng	12.636.531.048	2.760.238.921
Cộng	468.765.049.650	237.525.960.221
Doanh thu các bên liên quan		
Công ty TNHH Xây dựng Vinakanto	-	103.523.877.460
Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Xuân Thành	815.550.302	235.757.110
Công ty Cổ phần Đầu tư Thủy điện Quảng Nam	-	24.078.114.600
Cộng	815.550.302	127.837.749.170

6.2 Các khoản giảm trừ doanh thu**6.3 Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ**

	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019
	(VND)	(VND)
- Giá vốn của bán vật liệu xây dựng	93.457.243.130	204.458.036.266
- Giá vốn của bán thực phẩm	342.295.851.290	-
- Giá vốn cho thuê văn phòng	9.959.799.486	1.334.286.351
Cộng	445.712.893.906	205.792.322.617

6.4 Doanh thu hoạt động tài chính

	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019
	(VND)	(VND)
Lãi tiền gửi, cho vay	8.416.778	1.019.866
Cộng	8.416.778	1.019.866

CÔNG TY CỔ PHẦN THAIHOLDINGS

Số 210, Đường Trần Quang Khải, phường Tràng Tiền, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (tiếp theo)

Mẫu số B09a - DN

Kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2020

6.5 Chi phí tài chính

	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020 (VND)	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 (VND)
Lãi tiền vay	797.473.974	1.364.690.411
Chi phí tài chính khác	12.695.000	-
Cộng	810.168.974	1.364.690.411

6.6 Chi phí khác

	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020 (VND)	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 (VND)
Lãi phạt chậm nộp thuế	479.395.477	-
Chi phí khác	-	11.700
Cộng	479.395.475	11.700

6.7 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020 (VND)	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 (VND)
Tiền thuê đất, thuê nhà	318.806.928	481.022.387
Chi phí nhân viên	2.870.613.198	2.536.694.178
Chi phí khấu hao	226.704.000	226.704.000
Thuế, phí, lệ phí	8.313.449	321.806.928
Chi phí dịch vụ mua ngoài	236.500.000	25.195.129
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	887.237.503	99.554.822
Cộng	4.548.175.078	3.690.977.444

6.8 Chi phí bán hàng

	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020 (VND)	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 (VND)
- Chi tiết các khoản chiếm từ 10% trở lên trên tổng chi phí bán hàng	364.956.478	-
+ Chi phí nhân viên	260.896.711	-
+ Chi phí tư vấn môi giới	104.059.767	-
- Chi phí bán hàng khác	33.688.600	-
Cộng	398.645.078	-

6.9 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020 (VND)	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 (VND)
Chi phí nhân công	3.131.509.909	2.536.694.178
Chi phí khấu hao tài sản cố định	229.260.000	229.260.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	236.500.000	1.837.947.867
Thuế, phí, lệ phí	8.313.449	321.806.928
Chi phí bằng tiền khác	1.343.792.798	99.554.822
Cộng	4.949.376.156	5.025.263.795

CÔNG TY CỔ PHẦN THAIHOLDINGS

Số 210, Đường Trần Quang Khải, phường Tràng Tiền, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (tiếp theo)

Mẫu số B09a - DN

Kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2020

6.10 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020 (VND)	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 (VND)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	16.824.187.917	26.678.977.915
- Các khoản điều chỉnh tăng lợi nhuận kế toán trước thuế	1.391.652.059	1.771.785.349
+ Chi phí không được trừ	1.391.652.059	1.771.785.349
Chi phí lãi vay	-	859.528.767
Chi phí thuê đất không có hóa đơn	769.812.527	769.812.527
Phạt thuế	479.395.477	-
Phần khấu hao xe ô tô dưới 9 chỗ vượt 1,6 tỷ	142.444.055	142.444.055
- Các khoản điều chỉnh giảm lợi nhuận kế toán trước thuế	-	-
Thu nhập chịu thuế	18.215.839.976	28.450.763.264
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
Chi phí thuế TNDN hiện hành	3.643.167.995	5.690.152.653

6.11 Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu

	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020 (VND)	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 (VND)
Lợi nhuận kế toán sau thuế	13.181.019.922	20.988.825.262
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu		
Cổ phiếu lưu hành bình quân trong kỳ	53.900.000	28.798.642
Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	245	729

7. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ**7.1 Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ trong tương lai****7.2 Các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng****7.3 Số tiền đi vay thực thu trong kỳ**

	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020 (VND)	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 (VND)
- Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	33.900.000.000	35.000.000.000
Cộng	33.900.000.000	35.000.000.000

7.4 Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ

	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020 (VND)	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 (VND)
- Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	79.900.000.000	26.700.000.000
Cộng	79.900.000.000	26.700.000.000

Kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2020

8. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

8.1 Công cụ tài chính

Công ty chịu các rủi ro sau khi sử dụng công cụ tài chính:

- Rủi ro thị trường
- Rủi ro tín dụng
- Rủi ro thanh khoản

Ban Tổng giám đốc chịu trách nhiệm chung đối với việc thiết lập và giám sát nguyên tắc quản lý rủi ro tài chính. Ban Giám đốc thiết lập các chính sách nhằm phát hiện và phân tích các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các biện pháp kiểm soát rủi ro và các hạn mức rủi ro thích hợp, và giám sát các rủi ro và việc thực hiện các hạn mức rủi ro. Hệ thống và chính sách quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của các điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Ban Tổng giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

(i) Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro về giá hàng hóa và rủi ro về giá khác.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn và các khoản vay của Công ty.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Rủi ro về ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái. Công ty chịu rủi ro do sự thay đổi của tỷ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

(ii) Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng giao dịch không thực hiện được nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có thể có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình, và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, các khoản cho vay và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khách hàng

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu khách hàng chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Công ty xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Công ty tìm cách duy trì sự kiểm soát chặt chẽ các khoản phải thu tồn đọng và bố trí nhân sự kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng.

Công ty sẽ lập dự phòng giảm giá trị để phản ánh mức độ thiệt hại ước tính đối với phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản đầu tư. Thành phần chính của khoản dự phòng giảm giá trị này là khoản lỗ cụ thể có liên quan đến mức độ thiệt hại cụ thể đối với từng khách hàng.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến tại Việt Nam. Rủi ro tín dụng của số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các khoản mục trên bản cân đối kế toán tại ngày kết thúc kỳ tài chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong Thuyết minh số 5.1. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với khoản tiền gửi ngân hàng là thấp.

CÔNG TY CỔ PHẦN THAIHOLDINGS

Số 210, Đường Trần Quang Khải, phường Tràng Tiền, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (tiếp theo)**Mẫu số B09a - DN**

Kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2020

(iii) Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Công ty sẽ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có thời điểm đáo hạn khác biệt nhau.

Công ty giảm thiểu rủi ro thanh khoản bằng cách duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Giám đốc cho rằng đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và giảm thiểu rủi ro do những biến động của luồng tiền.

Bảng dưới đây phân tích đối với tài sản tài chính và các khoản nợ tài chính phi phái sinh vào các nhóm đáo hạn có liên quan dựa trên kỳ hạn còn lại từ ngày lập bảng cân đối kế toán đến ngày đáo hạn theo hợp đồng. Các số tiền được trình bày trong bảng sau là các luồng tiền theo hợp đồng không chiết khấu. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Dưới 1 năm	Từ 1 năm trở lên	Tổng cộng
Ngày 30/06/2020			
Tiền và các khoản tương đương tiền	45.450.072.896		45.450.072.896
Phải thu khách hàng	214.895.478.652		214.895.478.652
Đầu tư	3.515.000.000	649.082.660.000	652.597.660.000
Phải thu khác	76.475.000.000	500.000.000	76.975.000.000
Tài sản tài chính khác	-	-	-
Trừ:			
Dự phòng phải thu khó đòi	(93.300.000)	-	(93.300.000)
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	-	(11.558.472.547)	(11.558.472.547)
Tổng cộng	340.242.251.548	638.024.187.453	978.266.439.001
Các khoản vay và nợ	17.900.000.000	-	17.900.000.000
Phải trả người bán	285.951.384.420		285.951.384.420
Phải trả, phải nộp khác và chi phí phải trả	204.499.979	52.050.744.363	52.255.244.342
Tổng cộng	304.055.884.399	52.050.744.363	356.106.628.762
Chênh lệch thanh khoản thuần	36.186.367.149	585.973.443.090	622.159.810.239
	Dưới 1 năm	Từ 1 năm trở lên	Tổng cộng
Ngày 01/01/2020			
Tiền và các khoản tương đương tiền	10.307.089.928	-	10.307.089.928
Phải thu khách hàng	169.828.364.177	-	169.828.364.177
Đầu tư	-	649.082.660.000	649.082.660.000
Phải thu khác	8.482.193	500.000.000	508.482.193
Tài sản tài chính khác	-	-	-
Trừ:			
Dự phòng phải thu khó đòi	(93.300.000)	-	(93.300.000)
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	-	(11.558.472.547)	(11.558.472.547)
Tổng cộng	180.050.636.298	638.024.187.453	818.074.823.751
Các khoản vay và nợ	17.900.000.000	46.000.000.000	63.900.000.000
Phải trả người bán	129.897.877.620	-	129.897.877.620
Phải trả, phải nộp khác và chi phí phải trả	410.678.291	5.778.786.491	6.189.464.782
Tổng cộng	148.208.555.911	51.778.786.491	199.987.342.402
Chênh lệch thanh khoản thuần	31.842.080.387	586.245.400.962	618.087.481.349

CÔNG TY CỔ PHẦN THAIHOLDINGS

Số 210, Đường Trần Quang Khải, phường Tràng Tiền, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (tiếp theo)

Mẫu số B09a - DN

Kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2020

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

(iv) Giá trị hợp lý

Giá trị ghi sổ bằng giá gốc trừ đi dự phòng của các khoản phải thu ngắn hạn, tiền gửi ngân hàng và các khoản phải trả người bán và phải trả khác là gần bằng với giá trị hợp lý của chúng.

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	30/06/2020	01/01/2020	30/06/2020	01/01/2020
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	45.450.072.896	10.307.089.928	45.450.072.896	10.307.089.928
Các khoản đầu tư	637.524.187.453	637.524.187.453	(*)	(*)
Phải thu khách hàng và phải thu khác	291.277.178.652	169.743.546.370	291.277.178.652	169.743.546.370
Tài sản tài chính khác				
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán				
Tổng cộng	974.251.439.001	817.574.823.751	(*)	(*)
Nợ phải trả tài chính				
Nợ phải trả tài chính				
Vay và nợ	17.900.000.000	63.900.000.000	17.900.000.000	63.900.000.000
Phải trả người bán	285.951.384.420	129.897.877.620	285.951.384.420	129.897.877.620
Phải trả khác	204.499.979	410.678.291	204.499.979	410.678.291
Tổng cộng	304.055.884.399	194.208.555.911	304.055.884.399	194.208.555.911

(*) Liên quan đến việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính này để thuyết minh theo quy định tại điều 28 Thông tư 201/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài chính, bởi vì không có giá trị niêm yết trên thị trường cho các tài sản và nợ tài chính này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, hệ thống Kế toán Việt Nam không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý trong trường hợp không có giá trị niêm yết trên thị trường, Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính này cho mục đích thuyết minh.

Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính không được đánh giá và xác định một cách chính thức vào ngày 30/06/2020 và ngày 01/01/2020. Tuy nhiên, Ban Tổng giám đốc đánh giá giá trị hợp lý của những tài sản và phải trả tài chính này không có chênh lệch trọng yếu với giá trị ghi sổ của chúng tại ngày kết thúc kỳ tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN THAIHOLDINGS

Số 210, Đường Trần Quang Khải, phường Tràng Tiền, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (tiếp theo)

Mẫu số B09a - DN

Kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2020

8.2. BÁO CÁO BỘ PHẬN**8.2.1 Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh**

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của công ty như sau:

Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020

Chi tiêu	Vật liệu xây dựng	Thực phẩm	Dịch vụ cho thuê văn phòng	TỔNG CỘNG
Doanh thu	105.056.535.322	351.071.983.280	12.636.531.048	468.765.049.650
Giảm trừ doanh thu	-	-	-	-
Giá vốn	93.457.243.130	342.295.851.290	9.959.799.486	445.712.893.906
Lợi nhuận gộp	11.599.292.192	8.776.131.990	2.676.731.562	23.052.155.744
Tổng tài sản				1.255.585.111.116
Nợ phải trả				638.210.678.344
<i>Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác</i>				-
<i>Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn</i>				11.072.296.564
<i>Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)</i>				-

CÔNG TY CỔ PHẦN THAIHOLDINGS

Số 210, Đường Trần Quang Khải, phường Tràng Tiền, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019

Chỉ tiêu	Vật liệu xây dựng	Thực phẩm	Dịch vụ cho thuê văn phòng	TỔNG CỘNG
Doanh thu	234.765.721.300	-	2.760.238.921	237.525.960.221
Giảm trừ doanh thu	-	-	-	-
Giá vốn	204.458.036.266	-	1.334.286.351	205.792.322.617
Lợi nhuận gộp	30.307.685.034	-	1.425.952.570	31.733.637.604
Tổng tài sản				831.614.176.200
Nợ phải trả				253.978.317.593
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác				-
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn				1.862.731.525
Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)				-

8.2.2 Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý

Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý (báo cáo thứ yếu): Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng tạo ra doanh thu cho bộ phận. Trong kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty phát sinh chủ yếu tại thị trường trong nước tại thành phố Hà Nội, tỉnh Ninh Bình, tỉnh Hà Nam. Chi tiết kết quả kinh doanh theo từng khu vực như sau:

Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020

Chỉ tiêu	Hà Nội	Ninh Bình	Hà Nam	Tổng cộng
Doanh thu	365.622.735.258	68.478.824.248	34.663.490.144	468.765.049.650
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-	-	-
Giá vốn hàng bán	352.255.650.776	61.677.276.835	31.779.966.295	445.712.893.906
Lợi nhuận gộp	13.367.084.482	6.801.547.413	2.883.523.849	23.052.155.744

Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019

Chỉ tiêu	Hà Nội	Ninh Bình	Hà Nam	Tổng cộng
Doanh thu	-	203.562.966.581	33.962.993.640	237.525.960.221
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-	-	-
Giá vốn hàng bán	-	175.301.168.977	30.491.153.640	205.792.322.617
Lợi nhuận gộp	-	28.261.797.604	3.471.840.000	31.733.637.604

CÔNG TY CỔ PHẦN THAIHOLDINGS

Số 210, Đường Trần Quang Khải, phường Trảng Tiền, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (tiếp theo)**Mẫu số B09a - DN**

Kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2020

8.3 Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác**8.4 Các sự kiện quan trọng phát sinh trong kỳ**

Trong kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020 theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2020 số 01/2020/NQ-ĐHĐCĐ/THD ngày 29/02/2020 của Công ty Cổ phần Thaiholdings đã thông qua việc miễn nhiệm và bầu mới Hội đồng Quản trị, Ban Tổng giám đốc, thành lập công ty con sở hữu 100% là Công ty TNHH MTV Thaiholdings Hà Nam và thông qua phương án mua cổ phần của Công ty CP – Tập đoàn Thaingroup.

8.5 Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Công ty Cổ phần Thaiholdings sở hữu 100% Công ty TNHH MTV Thaiholdings Hà Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0700840205 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Nam cấp lần đầu ngày 01/07/2020.

Nghị quyết HĐQT số 0907/2020/NQ-HĐQT/THD ngày 09/07/2020 của Công ty Cổ phần Thaiholdings thông qua việc ký kết Hợp đồng hợp tác kinh doanh với Công ty Cổ phần Du lịch Kim Liên để cùng thực hiện Dự án tổ hợp công trình thương mại dịch vụ, khách sạn, văn phòng và căn hộ cho thuê tại địa điểm số 5-7 phố Đào Duy Anh, phường Kim Liên, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

Nghị quyết HĐQT số 0607/2020/NQ-HĐQT/THD ngày 06/07/2020 của Công ty Cổ phần Thaiholdings thông qua việc sửa đổi, bổ sung và triển khai thực hiện phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ như sau: thay đổi số lượng cổ phiếu phát hành và phương án sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành.

Quyết định HĐQT số 1607/2020/QĐ-HĐQT và 1607A/2020/QĐ-HĐQT ngày 16/07/2020 của Công ty Cổ phần Thaiholdings thông qua việc bổ nhiệm Phó Tổng giám đốc.

8.6 Thông tin về các bên liên quanCác bên liên quan:

Trong kỳ kế toán và tại ngày kết thúc kỳ kế toán, bên sau đây được nhận biết là bên liên quan có giao dịch với Công ty:

Bên liên quan	Địa điểm	Quan hệ
Công ty Cổ phần Tôn Đản Hà Nội	Hà Nội	Cùng thành viên chủ chốt, Công ty sở hữu vốn
Công ty TNHH Xây dựng Vinakanto	Ninh Bình	Cùng thành viên chủ chốt
Công ty TNHH Đầu tư Thủy điện Quảng Nam	Quảng Nam	Cùng thành viên góp vốn
Công ty Cổ phần Thailand	Hà Nội	Cùng thành viên góp vốn
Công ty Cổ phần Tập đoàn Thaingroup	Hà Nội	Cùng thành viên góp vốn
Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Xuân Thành	Hà Nội	Có liên quan với người liên quan
Ông Nguyễn Đức Thụy	Hà Nội	Chủ tịch HĐQT (Miễn nhiệm kể từ ngày 29/02/2020)
Ông Nguyễn Chí Kiên	Hà Nội	Chủ tịch HĐQT (Bổ nhiệm kể từ ngày 29/02/2020) kiêm Phó Tổng giám đốc
Ông Vũ Đình Hưng	Hà Nội	Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm kể từ ngày 29/02/2020) kiêm Thành viên HĐQT (Miễn nhiệm kể từ ngày 29/02/2020)
Ông Vũ Ngọc Định	Hà Nội	Tổng Giám đốc kiêm Thành viên HĐQT (Miễn nhiệm kể từ ngày 29/02/2020)

CÔNG TY CỔ PHẦN THAIHOLDINGS

Số 210, Đường Trần Quang Khải, phường Tràng Tiền, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (tiếp theo)**Mẫu số B09a - DN**

Kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2020

Ngoài giao dịch và số dư với các bên liên quan đã trình bày ở trên, trong kỳ Công ty còn có các giao dịch với các bên liên quan sau:

Bên liên quan	Nghiệp vụ	Số tiền VND
Công ty Cổ phần Tôn Đản Hà Nội	Mua hàng hóa, dịch vụ	169.493.000.000
	Thanh toán cho người bán	277.971.979.134
Ông Nguyễn Đức Thụy	Trả lại tiền ứng trước	22.500.000.000

Lương và thù lao chi trả trong kỳ cho các thành viên Hội đồng Quản trị Ban Tổng giám đốc và Ban kiểm soát:

**Từ 01/01/2020 đến
30/06/2020**

Họ và tên	(VND)
Ông Vũ Ngọc Định	48.000.000
Ông Nguyễn Chí Kiên	45.000.000
Ông Vũ Đình Hưng	180.900.000
Bà Nguyễn Thị Phương	211.059.362
Ông Trương Anh Tú	123.147.890
Ông Phạm Quang Vinh	84.506.166
Bà Dư Thị Hải Yến	88.214.500
Cộng	780.827.918

8.7 Thông tin so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán giữa niên độ từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán VACO và Báo cáo tài chính chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH PKF Việt Nam.

8.8 Thông tin về hoạt động liên tục

Báo cáo tài chính này được lập trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục.

8.9 Những thông tin khác

Ngoài những thông tin đã trình bày trên, trong kỳ Công ty không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra đòi hỏi phải trình bày hay công bố trên Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Hà Nội, ngày 14 tháng 08 năm 2020

NGƯỜI LẬP**KẾ TOÁN TRƯỞNG****TỔNG GIÁM ĐỐC**



Đỗ Thị Trang**Nguyễn Thị Thanh Hà****Vũ Đình Hưng**

our values

passion
teamwork
clarity
quality
integrity



Head Office: 10th and 12th Floor, Center Building, No.1
Nguyen Huy Tuong Street, Thanh Xuan Trung Ward
Thanh Xuan District, Hanoi, Vietnam
Tel: +84 24 6664 4488 Fax: +84 24 6664 2233
Email: pkfvietnam@pkf.com.vn

Hanoi Office: R. 1501, 17T5 Building
Hoang Dao Thuy Street, Thanh Xuan District
Hanoi, Vietnam
Tel: +84 24 2221 0082 Fax: +84 24 2221 0084
Email: pkf.hn@pkf.com.vn

Ho Chi Minh City Branch: No. 28
Nguyen Thi Dieu Street, Ward 6
District 3, Ho Chi Minh City, Vietnam
Tel: +84 28 3933 3444 Fax: +84 28 3930 8769
Email: pkf.hcm@pkf.com.vn